



Thực trạng kiến thức chăm sóc, dự phòng viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2024 và một số yếu tố liên quan

Đỗ Thị Thùy Dung¹, Lê Thanh Tùng²

¹Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng; ²Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức chăm sóc, dự phòng viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2024 và một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 200 bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc viêm phổi đang điều trị tại Khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 04 năm 2024 đến tháng 06 năm 2024. **Kết quả:** Tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đạt về bệnh, dấu hiệu bệnh viêm phổi là 58,0%, kiến thức đạt về chăm sóc trẻ viêm phổi là 79,5%, các bà mẹ có kiến thức đạt về dự phòng bệnh viêm phổi tương đối cao chiếm tỷ lệ 94,5%, tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức chung đạt là 68,5%. Các yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ sau khi phân tích hồi quy đa biến là: nhóm tuổi, trình độ học vấn, nguồn thông tin nhận từ nhân viên y tế, nguồn thông tin nhận được từ internet. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2024 tương đối tốt. Cần tăng cường hỗ trợ thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe đến nhóm đối tượng bà mẹ có độ tuổi dưới 25 tuổi và có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống với những nội dung đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ.

Từ khóa: Kiến thức, chăm sóc và dự phòng viêm phổi, bà mẹ có con dưới 5 tuổi

Current status of knowledge on care and prevention of pneumonia of mothers with children under 5 years old treated at Hai Phong Children's Hospital in 2024 and some related factors

Do Thi Thuy Dung¹, Le Thanh Tung²

¹Hai Phong Medical College; ²Nam Dinh University of Nursing

ABSTRACT

Objectives: Describe the current status of knowledge on care and prevention of pneumonia of mothers with children under 5 years old treated at Hai Phong Children's Hospital in 2024 and some related factors. **Methods:** Cross-sectional study on 200 mothers with children under 5 years old with pneumonia being treated at the Respiratory Department - Hai Phong Children's Hospital from April to June 2024. **Results:** The rate of mothers with knowledge about pneumonia and its symptoms was 58.0%, knowledge about caring for children with pneumonia was 79.5%, mothers with relatively high knowledge about pneumonia prevention was 94.5%, and mothers with general knowledge were 68.5%. Factors related to mothers' knowledge of pneumonia care and prevention after multivariate regression analysis were: age group, education level, information source received from medical staff, information source received from the internet. The difference was statistically significant with $p < 0.05$. **Conclusion:** Knowledge of pneumonia care and prevention among mothers with children under 5 years old treated at Hai Phong Children's Hospital in 2024 is good. It is necessary to increase information support, health education communication to mothers under 25 years old and with high school education or lower with simple, easy-to-understand, easy-to-remember content.

Keywords: Knowledge, care and prevention of pneumonia, mothers with children under 5 years old

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Năm 2019 có tới 740.180 trẻ dưới 5 tuổi tử vong do viêm phổi, chiếm 14% tổng số ca tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi nhưng chiếm 22% tổng số ca tử vong ở trẻ từ 1 đến 5 tuổi¹. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Phương (2017) cho thấy tại Việt Nam viêm phổi chiếm 11% tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi và là nguyên nhân gây tử vong hàng đầu sau giai đoạn sơ sinh. Bất chấp những thành tựu nổi bật đã đạt được của nền y học gần đây, gánh nặng bệnh viêm phổi ở nước ta vẫn cao hơn gần 10 lần so với các nước có thu nhập cao trong khu vực như Australia và Nhật Bản².

Vào những thời điểm giao mùa thời tiết biến động bất thường, khoa Khám bệnh của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng trung bình mỗi ngày tiếp nhận khám và điều trị ngoại trú hơn 300 bệnh nhi, hơn một nửa số đó là bệnh nhi mắc bệnh về hô hấp. Tại khoa Hô hấp của bệnh viện, những bệnh gặp với tỷ lệ cao là viêm phổi, hen phế quản, viêm phổi thùy, viêm tiểu phế quản. Vai trò của bà mẹ trong phòng bệnh, chăm sóc và điều trị bệnh viêm phổi ở trẻ nhỏ là không thể thay thế, việc chủ động nâng cao hiểu biết của họ đóng vai trò quyết định trong sức khỏe của trẻ. Theo nghiên cứu của Phạm Ngọc Toàn (2019) cho thấy bà mẹ thiếu kiến thức, kỹ năng chăm sóc con làm gia tăng nguy cơ tái nhiễm bệnh viêm phổi³. Bà mẹ có kiến thức đúng về việc phòng ngừa và chăm sóc trẻ bị viêm phổi sẽ làm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tránh được các biến chứng nặng từ đó giảm tỷ lệ tử vong. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2020) cho thấy các bà mẹ có kiến thức tốt về bệnh viêm phổi thì sẽ thực hành tốt hơn 2,65 lần nhóm các bà mẹ có kiến thức chưa đạt⁴. Một trong những biện pháp khả thi nhất, dễ thực hiện trên quy mô lớn và ít tốn kém để nâng cao kiến thức của bà

mẹ về viêm phổi là thông qua truyền thông giáo dục sức khỏe. Để thực hiện được điều này chúng ta cần nắm bắt được thực trạng kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cho trẻ dưới 5 tuổi của các bà mẹ tại địa bàn nghiên cứu, xác định các yếu tố liên quan tác động đến kiến thức của bà mẹ từ đó làm tiền đề phát triển chương trình can thiệp giáo dục phù hợp. Xuất phát từ thực tế trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2024 và một số yếu tố liên quan.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc viêm phổi đang điều trị tại Khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng từ tháng 04 năm 2024 đến tháng 06 năm 2024.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Bà mẹ có con dưới 5 tuổi được chẩn đoán là viêm phổi. Bà mẹ có khả năng giao tiếp, nhận thức để trả lời câu hỏi.

Tiêu chuẩn loại trừ: Bà mẹ có con đang trong tình trạng nặng phải cấp cứu hoặc chuyển viện. Bà mẹ từ chối phỏng vấn.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024 tại Khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: là số lượng mẫu nghiên cứu. $Z_{(1-\alpha/2)}$ là giá trị Z thu được từ bảng Z tương ứng với giá trị α . Với mức ý nghĩa 95% ($\alpha = 0,05$),

tương đương với $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$. p là tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cho trẻ dưới 5 tuổi. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Kim Hòa ⁵, đối tượng nghiên cứu có kiến thức chung đúng đạt 87,2%. Nên lấy $p = 0,87$. $d = 5\%$ là khoảng sai lệch mong muốn giữa mẫu và quần thể, là mức sai số tương đối chấp nhận do nhà nghiên cứu quy định.

Với các số liệu trên, tính được $n = 174$.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện, các bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc viêm phổi đang điều trị tại khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Trong khoảng thời gian thu thập số liệu từ tháng 04 đến tháng 06 năm 2024, đã có 200 bà mẹ đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu. Do vậy, cỡ mẫu thực tế của nghiên cứu là 200 bà mẹ.

Bộ công cụ nghiên cứu: Nghiên cứu phỏng vấn đánh giá thực trạng kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ sử dụng bộ câu hỏi về đánh giá kiến thức chăm sóc viêm phổi của tác giả Trần Thị Hằng (2021) Bộ công cụ đã được kiểm định độ tin cậy với chỉ số cronback alpha là 0,73⁶.

Bộ công cụ bao gồm các nội dung:

❖ Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.

- Gồm 09 câu hỏi về thông tin của bà mẹ được đánh số từ A1 đến A9.

- Tham khảo hồ sơ bệnh án để lấy chính xác các thông tin sau: Mã hồ sơ bệnh án, họ và tên bệnh nhi, chẩn đoán, họ và tên bà mẹ, tuổi, nơi ở, số điện thoại liên lạc.

- Phỏng vấn bà mẹ: Trình độ học vấn, nghề nghiệp, số con, khu vực sống, nguồn thông tin giáo dục sức khỏe nhận được, kinh nghiệm chăm sóc trẻ của bà mẹ.

❖ Phần 2: Đánh giá kiến thức của bà

mẹ về bệnh, chăm sóc và dự phòng viêm phổi.

- Gồm 24 câu hỏi được đánh số từ B1 đến B24. Bao gồm 3 nội dung:

+ Từ câu B1 đến B11: Kiến thức của bà mẹ về khái niệm, nguyên nhân, yếu tố nguy cơ, dấu hiệu bệnh viêm phổi.

+ Từ câu B12 đến B19: Kiến thức của bà mẹ về chăm sóc trẻ mắc viêm phổi.

+ Từ câu B20 đến B24: Kiến thức của bà mẹ về dự phòng viêm phổi cho trẻ.

Tiêu chuẩn đánh giá: Đánh giá kiến thức của bà mẹ về bệnh, chăm sóc và dự phòng viêm phổi trên bộ câu hỏi gồm 24 câu từ B1 đến B24. Mỗi ý trả lời đúng trong câu hỏi được tính 1 điểm, trả lời sai hoặc không biết tính 0 điểm. Trong đó câu B3 tối đa 5 điểm, câu B4 và B14 tối đa 3 điểm, các câu còn lại tối đa 1 điểm. Vậy tổng điểm kiến thức tối đa mà bà mẹ có thể đạt được là 32 điểm. Xác định đúng/không đúng dựa trên nội dung trong các tài liệu chính thống về xử trí, chăm sóc và phòng bệnh viêm phổi do Bộ Y tế ban hành.

Đánh giá kiến thức đúng về bệnh, dấu hiệu bệnh, chăm sóc và phòng bệnh của bà mẹ như sau:

- Bà mẹ được đánh giá có kiến thức đạt khi tổng điểm kiến thức $\geq 50\%$ tổng số điểm kiến thức ⁶.

+ Kiến thức về bệnh, dấu hiệu bệnh viêm phổi có tổng điểm là 17 điểm. Bà mẹ có kiến thức đạt khi trả lời đúng ≥ 9 điểm, < 9 điểm là có kiến thức chưa đạt.

+ Kiến thức về chăm sóc trẻ viêm phổi có tổng điểm là 10 điểm. Bà mẹ có kiến thức đạt khi trả lời đúng ≥ 5 điểm, < 5 điểm là có kiến thức chưa đạt.

+ Kiến thức về dự phòng bệnh viêm phổi có tổng điểm là 5 điểm. Bà mẹ có kiến thức

đạt khi trả lời đúng ≥ 3 điểm, < 3 điểm là có kiến thức chưa đạt.

+ Kiến thức chung về viêm phổi có tổng điểm là 32 điểm. Bà mẹ có kiến thức chung đạt khi trả lời đúng ≥ 16 điểm, < 16 điểm là có kiến thức chưa đạt.

Phương pháp phân tích số liệu:

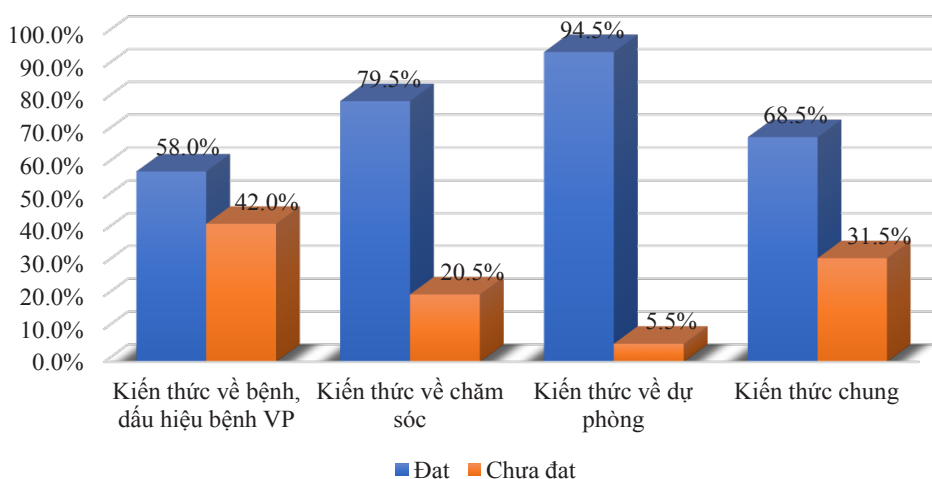
- Số liệu thu thập trong nghiên cứu được nhập liệu và xử lý theo phương pháp thống

kê y học, sử dụng phần mềm IBM SPSS 20.0

- Kết quả nghiên cứu được trình bày theo số lượng và tỷ lệ % của các biến số.

Đạo đức của nghiên cứu: Nghiên cứu được chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học trường Đại học Điều dưỡng Nam Định theo giấy chứng nhận số: 651/GCN-HĐĐĐ ngày 02/04/2024.

KẾT QUẢ



Biểu đồ 1. Phân loại kiến thức chung của bà mẹ về bệnh, chăm sóc, dự phòng viêm phổi (n = 200)

Từ biểu đồ 1 cho thấy tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đạt về bệnh, dấu hiệu bệnh viêm phổi là 58,0%, kiến thức đạt về chăm sóc trẻ viêm phổi là 79,5%, các bà mẹ có kiến thức đạt về dự phòng bệnh viêm phổi tương đối cao chiếm tỷ lệ 94,5%, tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức chung đạt là 68,5%.

Bảng 1. Mối liên quan giữa số con trong gia đình với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ (n = 200)

Số con	Đạt		Chưa đạt		p	OR CI95%
	n	%	n	%		
1 con	38	58,5	27	41,5	-	=
≥ 2 con	99	73,3	36	26,7	0,034	1,95 (1,05 – 3,65)

Có mối liên quan giữa số con trong gia đình và kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ. Bà mẹ có 2 con trở lên có tỷ lệ kiến thức đạt về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ có 1 con là 1,95 lần (OR: 1,95; CI95%: 1,05 – 3,65), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

Bảng 2. Mối liên quan giữa nhóm tuổi mẹ với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ (n = 200)

Nhóm tuổi mẹ	Đạt		Chưa đạt		p	OR CI95%
	n	%	n	%		
18-25 tuổi (1)	23	46,9	26	53,1	-	=
26-35 tuổi (2)	80	79,2	21	20,8	$p(2-1) < 0,001$	4,31 (2,06 – 9,01)
Trên 35 tuổi (3)	34	68,0	16	32,0	$p(3-1) = 0,036$	2,40 (1,06 – 5,44)

Bà mẹ từ 26 - 35 tuổi có tỷ lệ kiến thức đạt về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn 4,31 lần các bà mẹ từ 18- 25 tuổi (OR: 4,31; CI95%: 2,06 – 9,01); các bà mẹ trên 35 tuổi có tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ từ 18-25 là 2,4 lần (OR: 2,40; CI 95%: 1,06 – 5,44), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

Bảng 3. Mối liên quan giữa nguồn thông tin nhận được với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ (n = 200)

Nguồn thông tin		Đạt		Chưa đạt		p	OR CI95%
		n	%	n	%		
Ti vi, đài, sách, báo	Không	97	65,1	52	34,9	-	-
	Có	40	78,4	11	21,6	0,077	1,95 (0,92 - 4,12)
Bạn bè, người thân	Không	100	69,0	45	31,0	-	-
	Có	37	67,3	18	32,7	0,818	0,93 (0,48 - 1,79)
Nhân viên y tế	Không	49	59,8	33	40,2	-	-
	Có	88	74,6	30	25,4	0,026	1,98 (1,08 - 3,62)
Mạng internet	Không	49	56,3	38	43,7	-	-
	Có	88	77,9	25	22,1	0,001	2,73 (1,49 - 5,04)

Có mối liên quan giữa nguồn thông tin nhận được với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ. Bà mẹ nhận được thông tin từ nhân viên y tế có tỷ lệ kiến thức đúng về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ không nhận được là 1,98 lần, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (OR: 1,98; CI95%: 1,08-3,62; p: 0,026); Bà mẹ tìm hiểu thông tin về bệnh thông qua mạng internet có tỷ lệ kiến thức đúng về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ không tìm hiểu là 2,73 lần sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (OR: 2,73; CI95%: 1,49-5,04; p: 0,001).

Bảng 4. Mối liên quan giữa trình độ học vấn với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ (n = 200)

Trình độ học vấn	Đạt		Chưa đạt		P	OR CI95%
	n	%	n	%		
Trung học cơ sở (1)	25	54,3	21	45,7	-	-
Trung học phổ thông (2)	42	57,5	31	42,5	p(2-1) = 0,733	1,14 (0,54 – 2,39)
Trung cấp/Cao đẳng (3)	36	85,7	6	14,3	p(3-1) = 0,002	5,04 (1,78 – 14,27)
Đại học/Sau đại học (4)	34	87,2	5	12,8	p(4-1) = 0,002	5,71 (1,89 – 17,22)

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn với kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ. Bà mẹ có trình độ trung học phổ thông có tỷ lệ kiến thức đạt về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ từ trình độ trung học cơ sở là 1,14 lần, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$); các bà mẹ trình độ trung cấp/cao đẳng có tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ trung học cơ sở là 5,04 lần, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (OR: 5,04; CI 95%: 1,78 – 14,27; p: 0,002); các bà mẹ trình độ đại học/sau đại học có tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ trung học cơ sở là 5,71 lần, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (OR: 5,71; CI 95%: 1,9 -17,22; p: 0,002);

Bảng 5. Mô hình hồi quy đa biến giữa kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ với các biến ảnh hưởng có $p < 0,05$

Yếu tố trong mô hình		Hệ số hồi quy (β)	Sai số chuẩn (S.E)	Mức ý nghĩa (p)	OR (CI 95%)
18-25 tuổi (*)		-	-	-	-
Nhóm tuổi mẹ	26 - 35 tuổi	1,43	0,42	0,001	4,19 (1,86 – 9,47)
	Trên 35 tuổi	0,97	0,51	0,022	3,07 (1,18 – 7,99)

Yếu tố trong mô hình		Hệ số hồi quy (β)	Sai số chuẩn (S.E)	Mức ý nghĩa (p)	OR (CI 95%)
Trình độ học vấn	Trung học cơ sở (*)	-	-	-	-
	Trung học phổ thông	0,12	0,42	0,77	1,13 (0,50 – 2,53)
	Trung cấp/Cao đẳng	1,57	0,58	0,011	4,33 (1,41 – 13,31)
	Đại học/Sau đại học	1,36	0,61	0,043	3,39 (1,04– 11,04)
Nhận thông tin từ nhân viên y tế	Không (*)	-	-	-	-
	Có	1,09	0,36	0,012	2,49 (1,22 – 5,11)
Tìm hiểu nguồn thông tin từ mạng Internet	Không (*)	-	-	-	-
	Có	1,23	0,37	0,001	3,60 (1,69– 7,68)

Cỡ mẫu phân tích $n = 200$, (*) = Nhóm so sánh, (-) = Không áp dụng
Kiểm định tính phù hợp của mô hình thống kê (Hosmer and Lemeshow)
 $\chi^2 = 2,18$; $df = 1$; $p = 0,001$

Kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cho trẻ của các bà mẹ từ 26-35 tuổi cao gấp 4,19 lần so với các bà mẹ ≤ 25 tuổi (OR: 4,19; CI95%: 1,87 – 9,47); so với các bà mẹ có trình độ trung học cơ sở thì các bà mẹ có trình độ trung cấp/cao đẳng có kiến thức tốt hơn gấp 4,33 lần (OR: 4,33; CI95%: 1,41 – 13,31), các bà mẹ có trình độ từ đại học trở lên có kiến thức gấp 3,39 lần (OR: 3,39; CI95%: 1,04 – 11,04); những bà mẹ nhận được thông tin về bệnh viêm phổi từ nhân viên y tế có kiến thức đạt cao gấp 2,49 lần những bà mẹ không được nhận thông tin (OR: 2,49; CI 95%: 1,22 – 5,11); những người tìm hiểu được nguồn thông tin từ internet có kiến thức cao gấp 3,6 lần so với người không tìm hiểu thông tin (OR: 3,6; CI 95%: 1,69 – 7,68).

BÀN LUẬN

Tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đạt về bệnh và dấu hiệu của bệnh viêm phổi là 58,0%. Trong khi đó, tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đạt về cách chăm sóc trẻ bị viêm phổi cao hơn là 79,5%. Đa số các bà mẹ có kiến thức tốt về dự phòng bệnh viêm phổi, chiếm tỷ lệ

94,5%. Điều này cho thấy rằng mặc dù kiến thức về nhận biết và chăm sóc bệnh viêm phổi còn có thể được cải thiện nhưng các bà mẹ đã có hiểu biết khá tốt về các biện pháp phòng ngừa bệnh. Khi tổng hợp kiến thức chung về bệnh, chăm sóc và dự phòng viêm phổi, tỷ lệ các bà mẹ đạt yêu cầu là 68,5%.

Kết quả của chúng tôi tương đồng với Nguyễn Thị Thu Thủy (2019) có 90,28% bà mẹ có kiến thức đúng về phòng bệnh viêm phổi, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung đúng là 75,5%⁷. Tuy nhiên cao hơn nghiên cứu của Trần Thị Hằng (2021), tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung về viêm phổi đúng còn thấp chiếm 26,7%, tỷ lệ bà mẹ có kiến thức chung không đúng chiếm 73,3%. Có thể giải thích cho sự khác biệt này rằng tỷ lệ các bà mẹ nhận được thông tin về bệnh viêm phổi từ nhân viên y tế trong nghiên cứu của chúng tôi là 59,0% nhưng trong nghiên cứu của tác giả Trần Thị Hằng (2021) chỉ có 10,8% các bà mẹ nhận được nguồn thông tin chính xác và đáng tin cậy từ nhân viên y tế⁶. Sự khác biệt này cho thấy rõ tầm quan trọng của việc tiếp cận với nguồn thông tin đáng tin cậy trong nâng cao kiến thức cho bà mẹ.

Mối liên quan giữa kiến thức với nhóm tuổi của bà mẹ: Có mối liên quan giữa kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi với độ tuổi của bà mẹ. Bà mẹ từ 26- 35 tuổi có kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ từ 18- 25 tuổi là 4,31 lần (OR: 4,31; CI95%: 2,06 – 9,01, $p < 0,001$); các bà mẹ trên 35 tuổi có tỷ lệ kiến thức đạt cao gấp 2,40 lần các bà mẹ từ 18-25 tuổi (OR: 2,40; CI 95%: 1,06 – 5,44; $p: 0,036$). Nghiên cứu của chúng tôi có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bùi Thị Kim Hòa (2022), bà mẹ có độ tuổi thuộc nhóm 23-35 tuổi có kiến thức đúng gấp 3,05 lần so với các bà mẹ thuộc nhóm trên 35 tuổi hoặc dưới 23 tuổi, khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ ⁵. Theo Dan Kajungu và các cộng sự (2023), những người chăm sóc từ 35 tuổi trở lên có kiến thức gấp 1,56 lần bà mẹ dưới 35 tuổi (OR: 1,56, CI95%: 1,08–2,27), khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$ ⁸. Ở độ tuổi trên 25 tuổi họ có khả năng tiếp cận các nguồn thông tin y tế chính thống một cách có chọn lọc để áp

dụng chúng vào thực tế chăm sóc con. Điều này góp phần quan trọng trong việc nhận biết sớm các dấu hiệu của bệnh và đưa trẻ đến cơ sở y tế kịp thời, giúp giảm thiểu nguy cơ biến chứng nguy hiểm. Vì vậy nhân viên y tế cần chú trọng giáo dục kiến thức cho bà mẹ độ tuổi từ 18-25 tuổi.

Mối liên quan giữa kiến thức với nguồn thông tin nhận được: Nghiên cứu xác định có mối liên quan giữa nguồn thông tin nhận được với kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ. Bà mẹ nhận được thông tin từ nhân viên y tế có tỷ lệ kiến thức đúng về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ không nhận được là 1,98 lần (OR: 1,98; CI95%: 1,08-3,62; $p: 0,026$); Bà mẹ tìm hiểu thông tin về bệnh thông qua mạng internet có tỷ lệ kiến thức đúng về chăm sóc và dự phòng viêm phổi cao hơn các bà mẹ không tìm hiểu là 2,73 lần (OR: 2,73; CI95%: 1,49-5,04; $p: 0,001$). Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với Nguyễn Thị Thu Thủy (2019) cũng cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức của bà mẹ với loại hình truyền thông cụ thể những bà mẹ tìm hiểu thông tin về viêm phổi thông qua các nguồn thông tin chính thống như báo chí, sách, đài phát thanh, tivi có kiến thức đạt gấp gần 2 lần các bà mẹ tìm hiểu thông tin qua mạng xã hội (OR: 1,97; CI95%: 1,09 – 3,58; $p: 0,01$)⁷. Hiện nay công nghệ thông tin phát triển vì vậy các bà mẹ có nguồn thông tin đa dạng hơn tuy nhiên để có kiến thức đúng đắn nhất thì nguồn thông tin từ nhân viên y tế vẫn là chính xác và tin cậy nhất.

Mối liên quan giữa kiến thức với trình độ học vấn của bà mẹ: Trình độ học vấn có liên quan tới kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của các bà mẹ. Bà mẹ có trình độ trung học phổ thông có tỷ lệ kiến thức đạt về chăm sóc và dự phòng viêm

phổi cao hơn các bà mẹ từ trình độ trung học cơ sở là 1,14 lần, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$); các bà mẹ trình độ trung cấp/cao đẳng có tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ trung học cơ sở là 5,04 lần (OR: 5,04; CI 95%: 1,78 – 14,27; $p: 0,002$); các bà mẹ trình độ đại học/sau đại học có tỷ lệ kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ trung học cơ sở là 5,71 lần (OR: 5,71; CI 95%: 1,89 - 17,22; $p: 0,002$);

Bà mẹ có trình độ học vấn cao hơn thường có khả năng tiếp cận với các nguồn thông tin đa dạng và đáng tin cậy hơn, dễ dàng tìm kiếm và hiểu được các tài liệu y tế, tham gia các chương trình giáo dục sức khỏe, và theo dõi các phương tiện truyền thông hiện đại để cập nhật kiến thức. Trình độ học vấn cao giúp bà mẹ phân tích và áp dụng thông tin một cách hiệu quả hơn trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em. Kết quả này có sự tương đồng với một số nghiên cứu: Nghiên cứu của Bùi Thị Kim Hòa (2022) ⁵, những bà mẹ có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên có kiến thức đạt cao hơn các bà mẹ có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống là 3,18 lần (OR: 3,18; CI95%: 1,27 – 7,95; $p: 0,02$) ⁵. Nghiên cứu của Dan Kajungu và các cộng sự (2023), những người tham gia có trình độ học vấn cao hơn, đặc biệt là những người có trình độ học vấn sau trung học (đại học) có nhiều kiến thức hơn về bệnh viêm phổi gấp 5 lần so với những người không đi học (OR: 5,04; CI95%: 2,95–8,62; $p < 0,05$) ⁸. Sự khác biệt về trình độ học vấn trong nhóm đối tượng nghiên cứu không chỉ giúp xác định được những khoảng trống kiến thức cần được bổ sung, mà còn cho phép chúng tôi thiết kế các chương trình giáo dục sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng. Điều này đảm bảo rằng mọi bà mẹ, bất kể trình độ học vấn, đều có thể nhận được thông tin và hỗ trợ cần thiết để chăm sóc con cái một cách tốt nhất.

Khi phân tích đơn biến, có 5 yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức của bà mẹ là nhóm tuổi, số con, trình độ học vấn, nguồn thông tin nhận từ nhân viên y tế, nguồn thông tin nhận được từ internet. Tuy nhiên sau khi phân tích hồi quy logistic đa biến cho thấy chỉ có 4 yếu tố thực sự ảnh hưởng đến kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ cụ thể: kiến thức về bệnh, chăm sóc và dự phòng viêm phổi cho trẻ của các bà mẹ từ 26-35 tuổi cao gấp 4,19 lần so với các bà mẹ ≤ 25 tuổi (OR: 4,19; CI95%: 1,86 – 9,47; $p: 0,001$); kiến thức về bệnh, chăm sóc và dự phòng viêm phổi cho trẻ của các bà mẹ trên 35 tuổi cao gấp 3,07 lần so với các bà mẹ ≤ 25 tuổi (OR: 3,07; CI95%: 1,18 – 7,99; $p: 0,022$); so với các bà mẹ có trình độ trung học cơ sở thì các bà mẹ có trình độ trung cấp/cao đẳng có kiến thức tốt hơn gấp 4,33 lần (OR: 4,33; CI95%: 1,41 – 13,31; $p: 0,011$), các bà mẹ có trình độ từ đại học trở lên có kiến thức gấp 3,39 lần (OR: 3,39; CI95%: 1,04 – 11,04; $p: 0,043$); những bà mẹ nhận được thông tin về bệnh viêm phổi từ nhân viên y tế có kiến thức đạt cao gấp 2,49 lần những bà mẹ không được nhận thông tin (OR: 2,49; CI 95%: 1,22 – 5,11; $p: 0,012$); những người tìm hiểu được nguồn thông tin từ internet có kiến thức cao gấp 3,6 lần so với người không tìm hiểu thông tin (OR: 3,60; CI 95%: 1,69– 7,68; $p: 0,001$). Theo Dan Kajungu và các cộng sự (2023), Paul Kibet Keter (2015) sau khi phân tích đa biến cũng cho thấy nhóm tuổi, trình độ học vấn cũng có mối liên quan đến kiến thức về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của đối tượng nghiên cứu ^{8,9}.

Tuy nhiên, kết quả của chúng tôi có sự khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Quyên và cộng sự (2023), kết quả khảo sát qua phân tích hồi quy đa biến cho thấy có mối liên quan giữa biến số nghề nghiệp và số con trong gia đình của bà mẹ dân tộc ít

người với kiến thức đúng của bà mẹ về bệnh viêm phổi ($p < 0,05$). Sự khác biệt này có thể giải thích do hai nghiên cứu khác nhau về đối tượng nghiên cứu khi Nguyễn Thị Kim Quyên và cộng sự tập trung vào đánh giá kiến thức trên nhóm đối tượng là bà mẹ các dân tộc ít người¹⁰.

HẠN CHẾ NGHIÊN CỨU: Trong nghiên cứu thời gian thu thập số liệu có hạn chỉ được thực hiện trên cỡ mẫu nhỏ, phạm vi hẹp, chưa mở rộng địa bàn nghiên cứu trên các bệnh viện có chuyên khoa nhi khác tại địa bàn nên khả năng khái quát hóa những phát hiện này cho toàn bộ cộng đồng còn hạn chế.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ kiến thức đạt về chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2024 là 68,5%. Các yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc và dự phòng viêm phổi của bà mẹ sau khi phân tích hồi quy đa biến là: nhóm tuổi, trình độ học vấn, nguồn thông tin nhận từ nhân viên y tế, nguồn thông tin nhận được từ internet (Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$).

KHUYẾN NGHỊ: Tăng cường vai trò của điều dưỡng trong giáo dục sức khỏe bà mẹ, tận dụng sự tin cậy và kiến thức chuyên môn của điều dưỡng để nâng cao hiệu quả truyền thông. Đặc biệt giáo dục sức khỏe cho bà mẹ, quan tâm hơn đến nhóm đối tượng bà mẹ có độ tuổi dưới 25 tuổi và có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở xuống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization (2019), Pneumonia in children, <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/pneumonia>.

2. Nguyen Thi Kim Phuong và các cộng sự. Disease spectrum and management of children admitted with acute respiratory infection in Viet Nam. Tropical Medicine International Health, 2017 Jun;22(6):688-695. doi: 10.1111/tmi.12874.

3. Phạm Ngọc Toàn. Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, tình trạng miễn dịch và một số yếu tố liên quan tới viêm phổi tái nhiễm ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương [Luận án tiến sĩ y học]. Trường Đại học Y Hà Nội. 2019.

4. Nguyễn Thị Tuyết Nhung. Kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi mắc viêm phổi và một số yếu tố liên quan tại khoa nhi trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, năm 2020 [Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng]. Đại học Thăng Long. 2020.

5. Bùi Thị Kim Hòa. Đánh giá kiến thức, thực hành chăm sóc trẻ viêm phổi và ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông đến các bà mẹ tại Bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2021 [Luận văn thạc sĩ điều dưỡng]. Đại học Thăng Long. 2022.

6. Trần Thị Hằng. Thay đổi kiến thức chăm sóc trẻ viêm phổi của bà mẹ có con dưới 2 tuổi sau giáo dục sức khỏe tại Bệnh viện Nhi tỉnh Thái Bình [Luận văn Thạc sĩ điều dưỡng]. Đại học Điều dưỡng Nam Định. 2021.

7. Nguyễn Thị Thu Thủy. Kiến thức, thái độ, thực hành của bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc viêm phổi và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện Bạch Mai [Luận văn thạc sĩ điều dưỡng]. Đại học Thăng Long. 2019.

8. Dan Kajungu và các cộng sự. Factors associated with caretakers' knowledge, attitude, and practices in the management of pneumonia for children aged five years and below in rural Uganda. BMC Health Services Research, 2023, 23(1), tr. 700. <https://doi.org/10.1186/s12913-023-09713-z>.

9. Paul Kibet Keter. Knowledge, Attitudes and Practices of Mothers in relation to Childhood Pneumonia and factors associated with Pneumonia and Seeking Health Care in Kapsabet District Hospital in Nandi County, Kenya, Msc. Public Health, JKUAT. 2015.

10. Nguyễn Thị Kim Quyên, Phan Thị Huyền Trang và Ngu Danh Sơn. Kiến thức của bà mẹ dân tộc ít người về bệnh viêm phổi ở trẻ dưới 5 tuổi. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 533(1B). DOI: <https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1B.7817>.